TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **103**/2021/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 57/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa:

** Nguyên đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm: 1973;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Địa chỉ: Xóm 17, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Hồng N), sinh năm 1970;
Nghề nghiệp: Công nhân;
Địa chỉ: Tổ 7, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Hồng N).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Hồng N) có 01 con chung, cháu Trần Hoàng V, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2002; hiện nay con

chung của anh chị đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập. Anh H chị N không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung; không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn H tự nguyện nhận chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000931, ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho Anh H số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Hồng N) không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường A;
- UBND xã T, h.Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền